

SỰ LỰA CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM LÀ PHÙ HỢP VỚI QUY LUẬT PHÁT TRIỂN CỦA LỊCH SỬ

PGS, TS ĐỖ THỊ THẠCH
TS NGUYỄN THỊ THU HUYỀN
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Tóm tắt: Sau những năm đổi mới, đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử trên mọi lĩnh vực của công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, trước sự đổ vỡ của chủ nghĩa xã hội ở Liên xô, Đông Âu, sự thoái trào của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, ở Việt Nam hiện đã và đang xuất hiện khá nhiều ý kiến trái chiều về con đường phát triển của đất nước, trong đó có những ý kiến đòi xem lại sự lựa chọn con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Bài viết tập trung phân tích khẳng định tính tất yếu khách quan của việc lựa chọn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; phê phán những quan điểm sai trái của các thế lực thù địch phủ nhận con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Chủ nghĩa xã hội; Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

1. Một trong những phát hiện vĩ đại của học thuyết Mác - Lênin là đã chỉ ra quy luật phát triển của xã hội loài người là lịch sử phát triển và thay thế nhau của các hình thái kinh tế - xã hội: Từ cộng sản nguyên thủy đến chiếm hữu nô lệ, phong kiến, tư bản chủ nghĩa và chủ nghĩa cộng sản (giai đoạn đầu là chủ nghĩa xã hội - CNXH). Các hình thái kinh tế - xã hội này ra đời, phát triển theo những quy luật nội tại. Trong đó, *sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất là quy luật bao trùm, chi phối mọi hình thái kinh tế - xã hội*. Học thuyết Mác về hình thái kinh tế - xã hội đã chỉ ra những mâu thuẫn

sẽ đưa xã hội tư bản đến chỗ diệt vong và sự ra đời tất yếu của chủ nghĩa cộng sản (CNCS). Đó là mâu thuẫn giữa quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa (TBCN) về tư liệu sản xuất chủ yếu với trình độ xã hội hoá ngày càng cao của lực lượng sản xuất, biểu hiện ra bề mặt xã hội là mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản (GCTS) với giai cấp công nhân (GCCN) và người lao động ngày càng gia tăng. Cuộc đấu tranh giai cấp này tất yếu sẽ dẫn đến cách mạng xã hội chủ nghĩa (XHCN) với mục tiêu cuối cùng là phủ định CNTB và thay thế nó là một xã hội mới tốt đẹp, tiến bộ hơn - xã hội XHCN và CSCN.

Lựa chọn con đường xây dựng phát triển đất nước không phải là ý muốn chủ quan của một “bộ óc” nào đó nặn ra mà là cả một quá trình nhận thức đi đến hành động thực tiễn và tiến hành những cách thức xây dựng xã hội đó. Lẽ dĩ nhiên đó là quyết định khách quan của điều kiện kinh tế - xã hội đặt ra, điều này đã được các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác - Lênin khẳng định: “Đối với chúng ta, chủ nghĩa cộng sản không phải là một trạng thái cần phải sáng tạo ra, không phải là một lý tưởng mà hiện thực phải khuôn theo. Chúng ta gọi chủ nghĩa cộng sản là một phong trào *hiện thực*, nó xóa bỏ trạng thái hiện nay. Những điều kiện của phong trào ấy là do những tiền đề hiện đang tồn tại để ra”¹ và “sự phát triển của những hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử tự nhiên”².

Gần đây, trong các nước tư bản phát triển đã có một số người đưa ra những luận thuyết mới về sự phát triển xã hội. Trong đó, lý thuyết về “Ba làn sóng” của Alvin Toffler rất được chú ý và nhiều người tán đồng. Ông phân chia lịch sử phát triển xã hội trên cơ sở 3 nền văn minh: văn minh nông nghiệp, văn minh công nghiệp và văn minh hậu công nghiệp. Trong đó, nền văn minh nông nghiệp dựa trên cơ sở nền sản xuất thủ công với sức cơ bắp của con người là chính. Văn minh công nghiệp thì dựa vào việc sử dụng máy móc cơ khí với những công xưởng thu hút hàng chục ngàn công nhân. Còn văn minh hậu công nghiệp sẽ dựa trên kinh tế tri thức mà khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp; công nghệ thông tin và tri thức có vai trò ngày càng quyết định trong nền sản xuất xã hội. Cách tiếp cận này có tính duy vật và khá biện chứng về sự phát triển xã hội, nhất là một số dự báo về những biến đổi trong xã hội tương lai. Tuy nhiên, cũng phải thấy rằng, xét về tổng thể, nghiên cứu của Alvin Toffler còn nhiều điểm chưa rõ ràng. Ông mới chỉ thấy được phương diện lực lượng sản xuất mà chưa quan tâm đến phương diện quan hệ sản xuất, chưa chỉ rõ được ai là chủ nhân của từng xã hội, mối quan hệ giữa các nhóm và tầng lớp xã hội thế

nào và làm sao để loài người có thể đẩy nhanh tiến trình hướng đến xã hội tương lai. Nguồn gốc sâu xa của những biến đổi xã hội, đặc biệt là những biến đổi trong kiến trúc thượng tầng cũng chưa được làm rõ. Do vậy, có thể thấy, cách tiếp cận về các nền văn minh của Alvin Toffler, mặc dù có những hợp lý nhất định, nhưng chưa thể vượt qua được học thuyết về hình thái kinh tế - xã hội của C.Mác.

2. Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga năm 1917 thắng lợi đã mở ra một thời đại mới, thời đại quá độ từ CNTB lên CNXH trên phạm vi toàn thế giới. Tính tất yếu của thời đại mới đã tạo khả năng và điều kiện để các dân tộc đi lên CNXH, đem lại những nhận thức mới trong quan niệm và giải pháp giải quyết vấn đề giải phóng dân tộc một cách triệt để.

Trong hơn 7 thập kỷ xây dựng CNXH, Liên Xô và các nước XHCN đã đạt nhiều thành tựu quan trọng: Sự phát triển mạnh mẽ về kinh tế, xây dựng cơ sở vật chất với quy mô và trình độ hiện đại, đảm bảo ngày càng tốt hơn về vật chất và tinh thần cho nhân dân. Từ một nước Nga nghèo nàn và lạc hậu, sau một thời gian xây dựng đã trở thành một cường quốc của thế giới, đạt được bước tiến lớn trong nghiên cứu khoa học, chinh phục vũ trụ, có tiềm lực quân sự và quốc phòng hùng mạnh..., tạo điều kiện cho phong trào giải phóng dân tộc phát triển. Hàng trăm nước đã giành được độc lập dân tộc góp phần quyết định vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Sức mạnh và thành tựu của CNXH, tính ưu việt của chế độ XHCN đã thức tỉnh nhân loại, tạo khả năng đoàn kết các dân tộc để giữ gìn hòa bình, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh hủy diệt, buộc CNTB phải điều chỉnh chính sách có lợi cho người lao động; tạo khả năng hiện thực cho các nước lạc hậu tiến thẳng lên CNXH.

Chế độ XHCN ở Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan. Bên cạnh nguyên nhân khách quan là sự can thiệp vừa tinh vi, vừa trắng trợn, thực hiện “diễn biến hòa

bình” của chủ nghĩa đế quốc ở Liên Xô và các nước Đông Âu, thì nguyên nhân chủ quan là Đảng Cộng sản ở các quốc gia này đã mắc sai lầm nghiêm trọng về đường lối chính trị, tư tưởng và tổ chức, vận dụng lý luận Mác - Lênin một cách giáo điều mà thực chất là xa rời chủ nghĩa Mác - Lênin, đặc biệt là sự phản bội mục tiêu, lý tưởng XHCN, phản bội chủ nghĩa Mác - Lênin của những người lãnh đạo cao nhất trong Đảng. Khi nói về nguyên nhân tan rã của Đảng cộng sản Liên Xô và sự sụp đổ của CNXH ở Liên Xô, Đông Âu, đồng chí Nguyễn Phú Trọng đã chỉ rõ: “người ta đã xem nhẹ vấn đề đấu tranh giai cấp, nhấn mạnh những giá trị chung toàn nhân loại, xem nhẹ chuyên chính vô sản, nhấn mạnh hòa hoãn, nhân quyền, cho rằng chủ nghĩa tư bản đã thay đổi bản chất, xét lại sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, nhấn mạnh vấn đề dân tộc, xem nhẹ chủ nghĩa đế quốc, nhấn mạnh vấn đề công khai, xem nhẹ vấn đề kỷ luật tập trung trong Đảng... dẫn đến sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội hiện thực và làm tan rã Đảng về mặt tư tưởng”³; “chính là vì người ta hiểu sai và làm sai chủ nghĩa Mác - Lênin: sai cả về thực hiện các nguyên lý cơ bản, về vận dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng”⁴. Vì thế, cần khẳng định, sự đổ vỡ của chế độ XHCN ở Liên Xô và các nước Đông Âu không đồng nghĩa với sự sụp đổ của học thuyết Mác - Lênin về CNXH, không phải là sự sụp đổ của phong trào XHCN thế giới, càng không phải do chủ nghĩa Mác - Lênin đã lỗi thời, v.v.. Thực tế ở một số nước XHCN vẫn đang tiếp tục đứng vững và phát triển hiện nay đã chứng minh điều đó. Trên cơ sở kiên định và vận dụng sáng tạo, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể, Trung Quốc, Việt Nam và Cuba... đã từng bước định hình, định lượng mô hình CNXH, con đường đi lên CNXH phù hợp và đã có những thành tựu không thể phủ nhận.

3. Vào những năm đầu của thế kỷ XX, Việt Nam đứng trước cuộc khủng hoảng về đường lối cứu nước và giải phóng dân tộc. Trong lúc nhiều người yêu nước hướng theo

cách mạng tư sản, bằng thực tiễn 10 năm bốn ba tìm đường cứu nước, qua khoảng 30 quốc gia dân tộc, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ Cách mạng tư sản Pháp và Cách mạng tư sản Mỹ là những cuộc cách mạng không đến nơi. “Cách mệnh Pháp cũng như Cách mệnh Mỹ, nghĩa là cách mệnh tư bản, cách mệnh không đến nơi, tiếng là cộng hòa và dân chủ, kỳ thực trong thì nó tước lột công nông, ngoài thì nó áp bức thuộc địa. Cách mệnh đã bốn lần rồi, mà nay công nông Pháp hẵng còn phải mưu cách mệnh lần nữa mới hòng thoát khỏi áp bức”⁵; “nó chỉ mang lại quyền lợi cho một số ít người”.

Sau khi bắt gặp chủ nghĩa Mác - Lênin, Người tìm thấy cơ sở lý luận chắc chắn cho con đường cứu nước, giải phóng dân tộc. Đó là con đường cách mạng vô sản. Hồ Chí Minh khẳng định: Chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức, và “Cách mạng giải phóng dân tộc phải phát triển thành cách mạng xã hội chủ nghĩa thì mới giành được thắng lợi hoàn toàn”. “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”. Tư tưởng đó đã được Đảng ta khẳng định, được cả dân tộc hưởng ứng và đi theo. Đó là sự lựa chọn của lịch sử Việt Nam, của toàn dân tộc Việt Nam. Với sự lựa chọn đúng đắn đó, Việt Nam đã giải quyết được cuộc khủng hoảng đường lối cứu nước, tiến hành thắng lợi Cách mạng tháng Tám năm 1945, thành lập nên Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tiếp đó, dưới sự lãnh đạo của Đảng, chúng ta chiến thắng hai đế quốc lớn là Pháp và Mỹ. Sau khi giành được độc lập, thống nhất đất nước, Việt Nam vẫn tiếp tục khẳng định con đường đi lên CNXH.

Năm 1991, sau sự biến động chính trị ở Liên Xô và Đông Âu, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế thoái trào, khủng hoảng trầm trọng, nhiều Đảng Cộng sản mất vị thế lãnh đạo, vai trò của các Đảng Cộng sản bị thu hẹp phạm vi ảnh hưởng ở nhiều nước và khu vực. Diễn biến phức tạp của đời sống chính trị - xã hội thế giới đã tác động rất lớn đến công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc,

đến định hướng XHCN ở Việt Nam. Chính trong thời điểm khó khăn của cách mạng thế giới, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (tháng 6-1991), Đảng Cộng sản Việt Nam đã thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, trong đó khẳng định: “Chủ nghĩa xã hội hiện đứng trước nhiều khó khăn, thử thách. Lịch sử thế giới đang trải qua những bước quanh co; song, *loài người cuối cùng nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội vì đó là quy luật tiến hóa của lịch sử*”⁶. Điều này thể hiện quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân nhằm xây dựng nước Việt Nam theo con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn.

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng (2006) tiếp tục rút ra bài học kinh nghiệm thành công số một của 20 năm đổi mới là “*trong quá trình đổi mới phải kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh*”⁷. Từ đó khẳng định yêu cầu trước tiên trong đổi mới, chỉnh đốn Đảng là: “Kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, không đa nguyên, đa đảng”⁸.

Trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (bổ sung, phát triển năm 2011) được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng thông qua, Đảng ta khẳng định bài học số một là: “*Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội - ngọn cờ vinh quang mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trao lại cho thế hệ hôm nay và các thế hệ mai sau. Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội là cơ sở bảo đảm vững chắc cho độc lập dân tộc. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là hai nhiệm vụ chiến lược có quan hệ chặt chẽ với nhau*”⁹.

Tại Đại hội XII, trong phần phương hướng, nhiệm vụ xây dựng Đảng về chính trị, Đảng ta một lần nữa khẳng định: “Kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng sáng tạo và phát triển phù

hợp với thực tiễn Việt Nam; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới”¹⁰.

Nhờ sự kiên định với mục tiêu, lý tưởng đó, Đảng đã lãnh đạo nhân dân đạt được nhiều thành tựu trong sự nghiệp đổi mới. Đại hội XII tổng kết thành tựu của 30 năm đổi mới (1986 - 2016) chỉ rõ những thành tựu của đất nước đạt được dưới sự lãnh đạo của Đảng: “Đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội và tình trạng kém phát triển, trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình, đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Kinh tế tăng trưởng khá, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa từng bước hình thành, phát triển. Chính trị - xã hội ổn định; quốc phòng, an ninh được tăng cường. Văn hóa - xã hội có bước phát triển; bộ mặt đất nước và đời sống của nhân dân có nhiều thay đổi. Dân chủ xã hội chủ nghĩa được phát huy và ngày càng mở rộng. Đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền và cả hệ thống chính trị được đẩy mạnh. Sức mạnh về mọi mặt của đất nước được nâng lên; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và chế độ xã hội chủ nghĩa. Quan hệ đối ngoại ngày càng mở rộng và đi vào chiều sâu; vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao”¹¹.

Với những thành tựu trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội nêu trên đã khẳng định sự lựa chọn con đường đi lên CNXH của nước ta là hoàn toàn hợp lý và đúng đắn. Điều này đã được Đảng ta khẳng định: “Đi lên chủ nghĩa xã hội là khát vọng của nhân dân ta, là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử”¹².

4. Để khẳng định con đường phát triển của đất nước là hoàn toàn có cơ sở lý luận, thực tiễn, đồng thời đấu tranh kiên quyết với những luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch về sự lựa chọn con đường, cũng như khắc phục sự mơ hồ chính trị của chính một

bộ phận các cán bộ, đảng viên, trước hết cần phải thực hiện một cách nghiêm túc một số vấn đề như sau:

Về mặt nhận thức, cần nâng cao chất lượng công tác giáo dục chính trị, bồi dưỡng lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Cùng với đó cần tổ chức tốt cuộc đấu tranh vạch trần những quan điểm sai trái của các thế lực thù địch về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, làm sao cho mọi tầng lớp nhân dân, trước hết là cán bộ, đảng viên nhận thức rõ vấn đề, nâng cao khả năng “tự miễn dịch” trước những luận điệu tuyên truyền xuyên tạc. Trong đó nhiệm vụ trọng tâm hiện nay là việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 35-NQ/TW của Bộ Chính trị “*Về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới*” vào cuộc sống. Cần phải tiếp tục làm rõ cơ sở lý luận, thực tiễn, hoàn thiện hệ thống lý luận về CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta trong tình hình mới. Hệ thống hóa, phổ biến những thành tựu lý luận mà Đảng ta đã đạt được trên cơ sở vận dụng đúng đắn, sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong công cuộc đổi mới. Tiếp tục khẳng định bản chất và mô hình tổng thể của thể chế chính trị và bộ máy nhà nước đã được xác định trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (bổ sung, phát triển năm 2011) và *Hiến pháp năm 2013*.

Về mặt thực tiễn, tăng cường các biện pháp hiện thực hóa lý tưởng của CNXH trong đời sống hiện thực, nói phải đi đôi với làm. Theo đó, phải thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp trên tất cả các lĩnh vực từ kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội đến quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Nhưng trước hết, chúng ta phải thực hiện tốt các nhiệm vụ trọng tâm của thời kỳ quá độ đã được chỉ rõ trong Văn kiện đại hội toàn quốc của Đảng lần thứ XI, XII, gồm bốn nhiệm vụ (các nhà nghiên cứu gọi là *4 trụ cột phát triển*): Phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; Xây dựng Đảng là then

chốt; Xây dựng văn hóa, con người là nền tảng tinh thần; Bảo đảm quốc phòng, an ninh là nhiệm vụ trọng yếu và thường xuyên¹³ và “*3 khâu đột phá*”: Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN...; Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao...; Xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ...¹⁴. Trong các nhiệm vụ cấp bách nêu trên, việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4, khóa XI về *Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay* và Nghị quyết Trung ương 4, khóa XII về *Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ* cần được quán triệt sâu sắc, nhằm xây dựng Đảng ta thực sự “là đạo đức là văn minh”, cán bộ, đảng viên thực sự là người công bộc của dân, qua đó góp phần củng cố, giữ vững niềm tin của người dân vào Đảng, vào chế độ XHCN □

¹ C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H.,1995, tập 3, tr.51.

² C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H.,2002, tập 23, tr.21.

^{3,4} Nguyễn Phú Trọng: *Vì sao Đảng Cộng sản Liên Xô tan rã*. Tạp chí *Cộng sản*, số 4-1992, tr.20; 22.

⁵ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H., 2002, tập 2, tr.274.

⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới (Đại hội VI, VII, VIII, IX)*, Nxb. CTQG, H., 2001, tr.314.

^{7,8} Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. CTQG, H., 2006, tr.70; 276.

^{9, 12, 13, 14} Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. CTQG, H., 2011, tr.65; 70; 64; 106.

^{10, 11} Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. CTQG, H., 2016, tr.199; 65-66.